

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 17-01-2022
V/v tranh chấp: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Phạm Thị Thanh Hoa**.

2. Bà **Trần Thu Hồng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Huỳnh Phúc Tài** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Bé S**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số A, đường N, Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- Bị đơn: Bà **Võ Huệ T**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số A, đường N, Khu phố B, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

(ông S có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé S trình bày:

- Ông và bà Võ Huệ T sống chung với nhau từ năm 1984, không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống ông và bà T sống không hạnh phúc,

thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau do bất đồng quan điểm sống, ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay, ông và bà T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành, nay ông nhận thấy giữa ông và bà T không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Võ Huệ T.

- Về con chung: Có 03 con chung.

+ Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1986.

+ Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1989.

+ Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1993.

Hiện 03 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Võ Huệ T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T không đến, không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện G đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé S có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông S.

Bị đơn bà Võ Huệ T vắng mặt, mặc dù đã bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà T không đến dự phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Bé S và bà Võ Huệ T sống chung với nhau vào năm 1984, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại đơn xin xác nhận hôn nhân ngày 14/7/2021 có xác nhận của chính quyền địa phương thể hiện: “Ông Nguyễn Văn Bé S và bà Võ Huệ T sống chung với nhau vào năm 1984 không đăng ký kết hôn”.

Theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 quy định: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn, trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000”. Nên xác định hôn nhân giữa ông S và bà T là hôn nhân thực tế.

Trong thời gian chung sống, giữa ông S và bà T sống không hạnh phúc, đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tình tình không phù hợp, thường xuyên gây gổ, cự cãi với nhau, ông S và bà T đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, ông S và bà T đã sống ly thân từ năm 2005 cho đến nay. Nay ông S yêu cầu ly hôn với bà T là có cơ sở phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 03 con chung.

+ Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1986.

+ Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1989.

+ Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1993.

Hiện 03 con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Do ông Nguyễn Văn Bé S là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn Bé Sáu được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 9, 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Bé S.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn Bé S được ly hôn với bà Võ Huệ T.

- Về con chung: Có 03 con chung.

+ Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1986.

+ Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1989.

+ Nguyễn Thị Ngọc C, sinh năm 1993.

Hiện 03 con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về án phí HNST: Ông Nguyễn Văn Bé S được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí nên không phải hoàn lại.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn ông S và bị đơn bà T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ông Sáu, bà Thu nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thanh Trinh